

Câu 1: Cách viết nào sau đây sai:

A. $\frac{3}{4} \in \mathbb{Z}$ B. $0 \in \mathbb{Q}$ C. $2, (5) \in \mathbb{Q}$ D. $\mathbb{Z} \subset \mathbb{Q}$

Câu 2: Nếu $x - \frac{1}{2} = -1$ thì $x =$

A. $\frac{1}{2}$ B. $-\frac{1}{2}$ C. $\frac{3}{2}$ D. $-\frac{3}{2}$

Câu 3: Hiệu $2 - 3\frac{1}{3}$ bằng:

a. $-\frac{2}{3}$ b. $-1\frac{1}{3}$ c. $\frac{2}{3}$ d. $\frac{2}{3}$

Câu 4: Kết quả của phép tính $\frac{3}{5} + \frac{7}{9} + \frac{2}{5} - \frac{16}{9}$ là: A. -3 ; B. 3 ; C. 0 ; D. $\frac{7}{5}$

Câu 5: Tổng $\frac{2017}{2016} + \frac{-2}{2016}$ bằng:

A. $\frac{2019}{2016}$ B. $\frac{2015}{2016}$ C. 1 D. $\frac{-2019}{2016}$

Câu 6: Nếu $-\frac{1}{2} + x = \frac{3}{5}$ thì x bằng:

A. $\frac{11}{10}$ B. $\frac{4}{7}$ C. $-\frac{11}{10}$ D. $\frac{1}{10}$

Câu 7: Kết quả của phép tính $\frac{5}{7} + \frac{8}{11} + \frac{2}{7} - \frac{19}{11}$ là: A. 2 B. 0 C. -2 D. $-\frac{2}{7}$

Câu 8: Tổng $\frac{3}{4} + \frac{-1}{4}$ bằng:

A. $-\frac{1}{2}$; B. $\frac{2}{6}$; C. $\frac{5}{4}$; D. $\frac{1}{2}$.

Câu 9: Nếu $|x| = 2$ thì:

A. $x = 2$ B. $x = -2$ C. 2 hoặc -2 D. Cả A, B, C đều đúng

Câu 10: Biết: $|x| + \frac{1}{2} = 1$ thì x bằng:

A. $\frac{1}{2}$ B. $\frac{3}{2}$ C. $-\frac{1}{2}$ D. $\frac{1}{2}$ hoặc $-\frac{1}{2}$

Câu 11: Biết: $|x| = 1$ thì x bằng:

A. 1 B. -1 C. 0 D. 1 hoặc -1

Câu 12: Nếu $|x - 3| - 3 = 0$ thì:

A. $x = 6$ B. $x = 0$; $x = 6$ C. $x = 0$ D. $x = 0$; $x = -6$

Câu 13a: Cách viết nào sau đây là đúng:

A. $|-0,25| = -0,25$ B. $-|-0,25| = -(-0,25)$ C. $-|-0,25| = 0,25$ D. $|-0,25| = 0,25$

Câu 13b: Cách viết nào sau đây là đúng:

A. $|-0,25| = -0,25$ B. $-|-0,25| = -(-0,25)$ C. $-|-0,25| = -0,25$ D. $|-0,25| = -0,25$

Câu 14: Kết quả của phép tính $7^5 \cdot 7^{12}$ là:

A. 49^{17} B. 14^{17} C. 14^{12} D. 7^{17}

Câu 15: Giá trị biểu thức $\left(-\frac{3}{4}\right)^2 - 1\frac{5}{6}$ bằng: a. $-2\frac{19}{48}$ b. $-1\frac{13}{48}$ c. $-\frac{10}{3}$ d. $\frac{10}{3}$

Câu 16: Giá trị biểu thức $2 : \left(\frac{1}{2} - \frac{2}{3}\right)^3$ bằng: a. -432 b. 432 c. $-\frac{1}{108}$ d. -108

Câu 17: Cho $y = \left(-\frac{1}{2}\right)^3 \cdot (-2)^3$ thì:

A. $y = 1$ B. $y = \frac{1}{2}$ C. $y = -\frac{1}{2}$ D. $y = 0$

Câu 18: Giá trị của biểu thức $\left(-\frac{1}{2}\right)^{2015} \cdot (-2)^{2015}$ bằng: A. 1 B. $\left(-\frac{1}{2}\right)^{4030}$ C. $(-2)^{4030}$ D. -1

Câu 19: Giá trị biểu thức $2:\left(\frac{1}{2}-\frac{2}{3}\right)^2$ bằng: A. -72 B. 72 C. $\frac{1}{9}$ D. $-\frac{1}{3}$

Câu 20: Nếu $\frac{0,5}{x} = \frac{-4}{0,2}$ thì: A. $x = \frac{1}{40}$ B. $x = -\frac{1}{40}$ C. $x = 40$ D. $x = -40$

Câu 21: Kết quả của phép chia $\left(\frac{1}{3}\right)^{12} : \left(\frac{1}{3}\right)^3$ là: A. $\left(-\frac{1}{3}\right)^9$ B. $\left(\frac{1}{3}\right)^9$ C. $\left(\frac{1}{3}\right)^4$ D. $\left(-\frac{1}{3}\right)^4$

Câu 22: Giá trị của x trong tỉ lệ thức: $\frac{-3}{5} = \frac{x}{10}$ là: A. 5 B. -6 C. -12 D. 3

Câu 23: Cho tỉ lệ thức $\frac{x}{5} = \frac{2}{15}$ thì x bằng: A. 2 B. $\frac{2}{3}$ C. $\frac{3}{2}$ D. 6

Câu 24: Từ tỉ lệ thức $\frac{1,5}{x} = \frac{3}{2}$ thì giá trị x = A. 1 B. 2 C. 3 D. 4

Câu 25: Cho tỉ lệ thức $\frac{x}{27} = \frac{-2}{3,6}$ thì x bằng: A. -18 B. 18 C. -15 D. 15

Câu 26: Cho tỉ lệ thức $\frac{x}{2} = \frac{-9}{10}$ thì x bằng: A. $1\frac{4}{5}$ B. -18 C. $-\frac{5}{9}$ D. $-\frac{9}{5}$

Câu 27: Cho tỉ lệ thức $\frac{x}{2} = \frac{-9}{10}$ thì x bằng: A. $-1\frac{4}{5}$ B. -18 C. $-\frac{5}{9}$ D. $\frac{9}{5}$

Câu 28: Nếu $\frac{x}{-2} = \frac{y}{5}$ và $x - y = 14$ thì:

A. $x = -4$; $y = -10$ B. $x = 4$; $y = -10$ C. $x = 4$; $y = 10$ D. $x = -4$; $y = 10$

Câu 28: Khi nói đến tỉ vi loại 49 inh-sơ, ta hiểu rằng đường chéo màn hình của chiếc tỉ vi này dài 49 inh-sơ (inh-sơ (inch) kí hiệu "in" là đơn vị đo chiều dài theo hệ thống Anh, Mĩ, 1 in $\approx 2,54$ cm). Vậy đường chéo màn hình của chiếc tỉ vi này dài khoảng: A. 49cm B. 2,54cm C. 124,46cm D. 124,46dm

Câu 29: Nếu $\sqrt{x} = 4$ thì: A. $x = 2$ B. $x = -2$ C. $x = -16$ D. $x = 16$

Câu 30: Cho $x^2 = 3$ thì x bằng: a. $-\sqrt{3}$ b. $\sqrt{3}$ c. $\pm\sqrt{3}$ d. 9

Câu 31: Cho $\sqrt{x} = 5$ thì x = A. $\sqrt{5}$ B. ± 5 C. 25 D. -25

Câu 32: Nếu $\sqrt{x} = 3$ thì x^2 bằng: A. 9 B. -9 C. 81 D. -81

Câu 33: Cho $2\sqrt{x} = 6$ thì x bằng: A. 3 B. 9 C. ± 9 D. 18

Câu 34: Nếu $x = 16$ thì $\sqrt{x} = \pm 4$ A. Đúng B. Sai

Câu 35: Cách viết nào sau đây là đúng: A. $-\frac{3}{7} \in \mathbf{N}$; B. $-\frac{1}{2} \in \mathbf{Z}$; C. $-\sqrt{5} \in \mathbf{Q}$; D. $\frac{4}{3} \in \mathbf{R}$

Câu 35: Cách viết nào sau đây là đúng: A. $-3 \in \mathbb{Z}$ B. $\sqrt{2} \in \mathbb{Q}$ C. $\mathbb{Q} \subset \mathbb{I}$ D. $2, (35) \in \mathbb{R}$

Câu 36: Cách viết nào sau đây là đúng: A. $-3 \in \mathbb{Z}$ B. $\sqrt{2} \in \mathbb{Q}$ C. $\mathbb{Q} \subset \mathbb{I}$ D. $2, (35) \notin \mathbb{R}$

Câu 37: Cách viết nào sau đây là đúng: A. $-\frac{3}{7} \in \mathbb{N}$ B. $-\frac{1}{2} \in \mathbb{Z}$ C. $-\sqrt{5} \in \mathbb{Q}$ D. $\frac{4}{3} \in \mathbb{R}$

Câu 38: Cách viết nào sau đây là đúng: A. $-\sqrt{2} \in \mathbb{N}$ B. $-\sqrt{2} \in \mathbb{Z}$ C. $-\sqrt{2} \in \mathbb{I}$ D. $-\sqrt{2} \in \mathbb{Q}$

Câu 39: Cho xOy và $x'Oy'$ là 2 góc đối đỉnh. Nếu số đo góc $x'Oy'$ bằng 45° thì số đo xOy bằng:

- a. 45° b. 90° c. 135° d. 180°

Câu 40: Hai góc đối đỉnh thì:

- A. Bù nhau B. Đối nhau C. Phụ nhau D. Bằng nhau

Câu 41: Cho xOy và $x'Oy'$ là 2 góc đối đỉnh. Nếu số đo góc $x'Oy'$ bằng 60° thì số đo xOy bằng:

- A. 30° B. 60° C. 90° D. 120°

Câu 42: Hai góc chung đỉnh và có số đo bằng nhau là hai góc đối đỉnh A. Đúng B. Sai

Câu 43: Nếu một đường thẳng c cắt hai đường thẳng a, b và trong các góc tạo thành có một cặp góc..... thì $a//b$. Cụm từ trong chỗ trống (...) là:

- A. so le trong bằng nhau B. đồng vị C. trong cùng phía bằng nhau D. Cả A, B đều đúng

Câu 44: Nếu một đường thẳng c cắt hai đường thẳng a, b và trong các góc tạo thành có một cặp góc..... thì $a//b$. Cụm từ trong chỗ trống (...) là:

- A. so le trong B. đồng vị bằng nhau C. trong cùng phía bằng nhau D. Cả A, B đều đúng

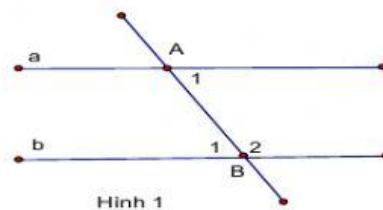
Câu 45: Nếu một đường thẳng c cắt hai đường thẳng a, b và trong các góc tạo thành có một cặp góc so le trong (hay đồng vị) bằng nhau thì.... Cụm từ trong chỗ trống (...) là:

- A. a trùng b B. a cắt b C. a vuông góc với b D. a song song với b

Câu 46: Cho hình vẽ (Hình 1):

Biết số đo góc A_1 bằng 60° thì số đo góc B_2 bằng:

- a. 30° b. 60° c. 90° d. 120°



Hình 1

Câu 47: Nếu $a \perp b$ và $a \perp c$ thì : A. $a \perp c$; B. $a // c$; C. $a // b$; D. $b // c$

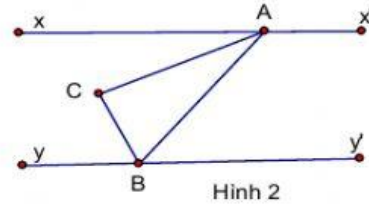
Câu 48: Cho $a \perp b$ và $b \perp c$ thì: A. $a//b$ B. $a//c$ C. $b//c$ D. $a//b//c$

Câu 49: Nếu hai đường thẳng phân biệt cùng.....với đường thẳng thứ ba thì chúng song song với nhau. Cụm từ trong chỗ trống (....) là: A. cắt B. Không song song C. vuông góc D. Trùng

Câu 50: Nếu hai đường thẳng phân biệt cùng.....với đường thẳng thứ ba thì chúng song song với nhau. Cụm từ trong chỗ trống (....) là: A. cắt B. song song C. Không vuông góc D. trùng

Câu 51: Cho hình vẽ (hình 2)

Biết $xx' // yy'$, tia AC là tia phân giác của xAB ;
tia BC là tia phân giác của yBA thì số đo của ACB bằng



Hình 2

- a. 90° b. 60°
c. 45° d. Không xác định được

Câu 52: Cho 2 góc xOy , yOz kề bù. Om , On lần lượt là hai tia phân giác của hai góc đó thì số đo mOn bằng:

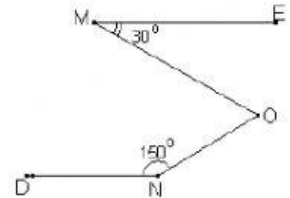
- a. 45° b. 90° c. 60° d. không xác định được

Câu 53: Cho m , n , p là các đường thẳng phân biệt. Nếu $m \perp n$ và $n \perp p$ thì :

- A. $m \perp p$ B. $m // p$ C. $n // p$ D. $m // n // p$

Câu 54: Cho hình vẽ, biết: $ME // ND$. Số đo góc MON bằng:

- A. 50° B. 55° C. 60° D. 65°



Câu 55: Cho tam giác ABC vuông tại A, có góc B bằng 55° thì số đo góc C là:

- A. 45° B. 135° C. 35° D. 25°

Câu 56: Cho tam giác ABC có góc B bằng 60° , góc C bằng 40° . Tia phân giác của góc B cắt AC tại E. Số đo góc AEB là:

- A. 100° B. 70° C. 60° D. 120°

Câu 57: Cho tam giác ABC có $A = 50^\circ$; $B = 70^\circ$. Số đo góc ngoài tại đỉnh C bằng:

- A. 60° B. 120° C. 70° D. 50°

Câu 58: Tam giác ABC có góc $A = 50^\circ$; góc B bằng 90° thì số đo góc ngoài ở đỉnh C bằng:

- A. 40° B. 120° C. 130° D. 140°

Câu 59: Cho $\triangle ABC = \triangle MNP$, biết $A = 50^\circ$; $B = 70^\circ$. Số đo góc P bằng:

- A. 50° B. 60° C. 120° D. 180°

Câu 60: Cho tam giác ABC có $\hat{A} = 60^\circ$; $\hat{B} = 80^\circ$. Số đo góc ngoài tại đỉnh C bằng:

- A. 40° B. 80° C. 100° D. 140°

Câu 61: Cho $\triangle ABC = \triangle MNP$ và $B = 30^\circ$; $P = 70^\circ$ khi đó $M = 80^\circ$ A. Đúng B. Sai

Câu 62: Cho $\triangle ABC = \triangle DEF$ biết $AB = 4$ cm, $BC = 6$ cm, $AC = 7$ cm. Độ dài cạnh DF bằng:

- a. 4 cm b. 6 cm c. 7 cm d. 8 cm

Câu 63: Cho $\triangle ABC = \triangle MNP$ suy ra

- A. $AB = MP$ B. $CB = NP$ C. $AC = NM$ D. Cả B và C đúng.

Câu 64: $\triangle CDE$ và $\triangle HIK$ có $CD = HI$; $DE = IK$ thì $\triangle CDE = \triangle HIK$ (c.g.c) khi có:

- A. $\hat{C} = \hat{H}$; B. $\hat{E} = \hat{K}$; C. $\hat{D} = \hat{I}$; D. $CE = HK$

Câu 65: Nếu y tỉ lệ thuận với x theo hệ số tỉ lệ là k ($k \neq 0$) thì x tỉ lệ thuận với y theo hệ số tỉ lệ là:

- A. k B. -k C. 2k D. $\frac{1}{k}$

Câu 66: Cho đại lượng y tỉ lệ thuận với đại lượng x theo hệ số tỉ lệ là 2 và $x + y = -9$ thì

- a. $x = 6; y = 3$ b. $x = -6; y = -3$ c. $x = 3; y = 6$ d. $x = -3; y = -6$

Câu 67: Đại lượng y tỉ lệ thuận với đại lượng x theo hệ số tỉ lệ -2 thì y và x liên hệ với nhau theo công thức:

- A. $y = 2x$ B. $y = -\frac{1}{2}x$ C. $y = \frac{1}{2}x$ D. $y = -2x$

Câu 68: Đại lượng x tỉ lệ thuận với đại lượng y theo hệ số tỉ lệ -10 thì y và x liên hệ với nhau theo công thức:

- A. $y = 10x$ B. $y = -\frac{1}{10}x$ C. $y = \frac{1}{10}x$ D. $y = -10x$

Câu 69: Mẹ bạn Hoa gửi tiết kiệm 2000000 đồng theo thẻ thức “có kì hạn 6 tháng”. Hết thời hạn 6 tháng, mẹ bạn Hoa được lĩnh cả vốn lẫn lãi là 2062400 đồng. Lãi suất hàng tháng của thẻ thức gửi tiết kiệm này là:

- A. 62400% B. 10400% C. 0,97% D. 0,52%

Câu 70: Cho đại lượng y tỉ lệ thuận với đại lượng x theo hệ số tỉ lệ là 3 và $x + y = -8$ thì

- A. $x = -6; y = -2$ B. $x = 6; y = 2$ C. $x = 2; y = 6$ D. $x = -2; y = -6$

Câu 71: Cho biết x và y là 2 đại lượng tỉ lệ thuận, khi $x = 5$ thì $y = 15$. Hệ số tỉ lệ của y đối với x là:

- A. $\frac{1}{3}$ B. 75 C. 3 D. 10

Câu 72: Biết x, y là 2 đại lượng tỉ lệ nghịch có hệ số tỉ lệ bằng -10 . Nếu $y = -5$ thì x bằng:

- A. -5 B. 2 C. $\frac{1}{2}$ D. $-\frac{1}{2}$

Câu 73: Biết x, y là 2 đại lượng tỉ lệ nghịch có hệ số tỉ lệ bằng -8 . Nếu $y = -2$ thì x bằng:

- A. -4 B. 4 C. $-\frac{1}{4}$ D. $\frac{1}{4}$

Câu 74: Nếu x; y là hai đại lượng tỉ lệ nghịch và khi $x = 2; y = -3$ khi đó hệ số tỉ lệ của x đối với y là:

- A. $-2/3$ B. $-3/2$ C. 6 D. -6

Câu 75: Biết x, y là 2 đại lượng tỉ lệ nghịch có hệ số tỉ lệ bằng -2 . Nếu $x = 4$ thì y bằng:

a. $-\frac{1}{2}$

b. $\frac{1}{2}$

c. -8

d. 8

Câu 76: Cho y tỉ lệ nghịch với x theo hệ số tỉ lệ là a, khi x = 3 thì y = 6. Vậy hệ số tỉ lệ a bằng:

A. 2

B. 0,5

C. 18

D. 3

Câu 77: Cho y tỉ lệ nghịch với x theo hệ số tỉ lệ là a, khi x = -2 thì y = 6. Vậy hệ số tỉ lệ a bằng:

A. -12

B. -3

C. 12

D. 3

Câu 78: Cho hàm số $y = f(x) = 3x + 1$. Thế thì $f(-1)$ bằng : A. -4 B. -2 C. 2 D. 4

Câu 79: Cho hàm số $y = f(x) = 2x - 1$. Khi đó ta có $f(-1)$ bằng: A. -3; B. -2; C. -1; D. 3

Câu 80: Cho hàm số $y = f(x) = 2x^2 + 1$. Khẳng định nào sau đây đúng ?

A. $f(1) = 5$

B. $f(-2) = 9$

C. $f(2) = -9$

D. $f(-1) = -1$

Câu 81: Cho hàm số $y = f(x) = 1 - 8x$. Khẳng định nào sau đây là đúng:

A. $f(-1) = 9$

B. $f(1) = 9$

C. $f(0) = 0$

D. $f(-0,5) = -5$

Câu 82: Cho hàm số $y = f(x) = 1 - 8x$. Khẳng định nào sau đây là đúng:

A. $f(-1) = -9$

B. $f(1) = 9$

C. $f(0) = 0$

D. $f(-0,5) = 5$

Câu 83: Trên mặt phẳng tọa độ Oxy cho điểm M(-1; 2), khi đó hoành độ của điểm M là: 2 A. Đúng B. Sai

Câu 84: Cho hàm số $y = \frac{1}{2}x$ và các điểm A(2;1); B(-2;-1); C(-4;-2); D(-4;2). Điểm không thuộc đồ thị hàm số là: a. A b. B c. C d. D

Câu 85: Trong các điểm sau, điểm nào thuộc đồ thị hàm số $y = 2x$

A. (-1; -2)

B. (-1; 2)

C. (-2; -1)

D. (-2; 1)

Câu 86: Điểm nào sau đây thuộc đồ thị hàm số $y = 4x$

A. (-1; 4)

B. (-4; 1)

C. (1; 4)

D. (4; 1)

Câu 87: Điểm nào sau đây thuộc đồ thị hàm số $y = -2x$

A. (-1; -2)

B. $\left(\frac{1}{2}; -1\right)$

C. (1; 2)

D. $\left(-\frac{1}{2}; -1\right)$

Câu 88: Điểm nào sau đây thuộc đồ thị hàm số $y = -2x$

A. (-1; -2)

B. $\left(\frac{1}{2}; 1\right)$

C. (-1; 2)

D. $\left(-\frac{1}{2}; -1\right)$

Câu 89: Cho hàm số $y = -3x$ và các điểm M(1;3); N(-2;6); P(-2;-6); Q(-3;-9). Điểm không thuộc đồ thị hàm số là: A. Q B. N C. P D. M

Câu 89: Cho hàm số $y = -3x$ và các điểm $M(1;3)$; $N(2;6)$; $P(-2;-6)$; $Q(3;-9)$. Điểm không thuộc đồ thị hàm số là: A. Q B. N C. P D. M

Câu 90: Cho điểm $M(-1;3)$ thuộc đồ thị hàm số $y = ax$ ($a \neq 0$). Giá trị của a là:

A. -3 B. 3 C. $\frac{1}{3}$ D. $-\frac{1}{3}$

Câu 91: Số vô tỉ là số viết được dưới dạng số thập phân vô hạn

Câu 92: Hai đường thẳng xx' , yy' cắt nhau tại O và góc xOy vuông thì các góc xOy' , $x'Oy$, $x'Oy'$ có số đo bằng.....⁰

Câu 93: Đường thẳng vuông góc với một đoạn thẳng tại trung điểm của nó được gọi là của đoạn thẳng ấy.

Câu 94: Nếu hai cạnh và góc xen giữa của tam giác này bằng của tam giác kia thì hai tam giác đó bằng nhau

Câu 95: Hai đường thẳng là hai đường thẳng không có điểm chung.

Câu 96: Nếu một đường thẳng cắt hai đường thẳng song song thì cặp góc đồng vị.....

Câu 97: Nếu đường thẳng c cắt hai đường thẳng song song a và b thì hai góc đồng vị với nhau.....

Câu 98: Mỗi góc ngoài của một tam giác bằng..... không kề với nó.

Câu 99: Cho 3 đường thẳng phân biệt a , b , c . Nếu $a // b$ và $c \perp b$ thì..... $\perp$

Câu 100: Cho 3 đường thẳng phân biệt a , b , c . Nếu $a \perp b$, $a \perp c$ thì.....

Câu 101: Cho điểm M ở ngoài đường thẳng a . Đường thẳng đi qua điểm M và song song với đường thẳng a là

Câu 102: Qua một điểm ở ngoài một đường thẳng chỉ có một đường thẳng với đường thẳng đó

Câu 103: Góc tạo bởi hai tia phân giác của hai góc..... là góc vuông.

Câu 104: Điền vào chỗ trống để được khẳng định đúng

a/ Nếu một đường thẳng cắt hai đường thẳng song song thì hai góc trong cùng phía

b/ Nếu một đường thẳng vuông góc với một trong hai đường thẳng song song thì nó cũng với đường thẳng kia.

c/ Kết quả làm tròn số 0,7153 đến chữ số thập phân thứ ba là.....

d/ Khi chuyển một số hạng từ vế này sang vế kia của một đẳng thức, ta phải số hạng đó.

Câu 105: Hãy ghép mỗi ý ở cột A với một ý ở cột B để được một khẳng định đúng (1,0 điểm)

A	B	Đáp án
a) Nếu $\sqrt{x} = 3$ thì x^2 bằng:	1) 80^0	a +
b) Điểm thuộc đồ thị hàm số $y = -2x$ là	2) 100^0	b +
c) Cho $\Delta ABC = \Delta MNP$ và $\hat{B} = 30^0$; $\hat{P} = 70^0$ khi đó $\hat{M} = ?$	3) 9 hoặc -9	c +
d) $ x - 9 = 0$	4) 9	d +
	5) 81	
	6) M (-1; -2)	
	7) Q (-1; 2)	

A	B	Đáp án
a) ΔABC có $A = 55^0$, $C = 70^0$ thì:	1) $f(-1,5) = 6$	a +
b) hàm số $y = f(x) = 2x - 3$	2) $B = 45^0$	b +
c) $\left x - \frac{1}{2}\right = 2,5$	3) $x = -15$	c +
d) $\frac{x}{27} = \frac{-2}{3,6}$	4) $f(-1,5) = -6$	d +
	5) $x = 3$; $x = -2$	
	6) $B = 55^0$	
	7) $x = -3$; $x = 2$	

A	B	Đáp án
a) $a = -\frac{2}{5}; b = -2,5$	1) $f(-0,5) = -2$	a thì.....
b) hàm số $y = f(x) = 2x - 1$	2) $B = 70^0$	b thì
c) $\left x + \frac{2}{3}\right = 1,5$	3) tích của a và b bằng 1	c thì.....
d) ΔABC có $A = 35^0, C = 75^0$ thì:	4) $f(0,5) = 0$	d thì.....
	5) $x = \frac{5}{6}; x = -\frac{13}{6}$	

Câu 6: Đánh dấu chéo (X) vào ô tương ứng với câu đúng hoặc sai (1,0 điểm)

TT	Câu	Đúng	Sai
1	Nếu các số a, b, c, d khác 0 thỏa mãn $ad = bc$ thì $\frac{a}{b} = \frac{c}{d}$		
2	$(-3)^4$ có giá trị là -81		
3	Đường trung trực của đoạn thẳng AB là đường thẳng vuông góc tại trung điểm của AB.		
4	Hai góc đối đỉnh thì bằng nhau.		
5	Nếu $x = 36$ thì $\sqrt{x} = \pm 6$		
6	Cho $\Delta ABC = \Delta MNP$ và $\hat{B} = 30^0; \hat{P} = 70^0$ khi đó $\hat{M} = 80^0$		
7	Trên mặt phẳng tọa độ Oxy cho điểm A(-3; 1), khi đó hoành độ của điểm A là: 1		
8	Nếu một đường thẳng cắt hai đường thẳng và trong các góc tạo thành có một cặp góc so le trong thì hai đường thẳng đó song song với nhau.		
9	số 0 không là số hữu tỉ dương cũng không là số hữu tỉ âm		
10	$Q \subset I$		
11	Nếu hai cạnh và một góc của tam giác này bằng hai cạnh và một góc của tam giác kia thì hai tam giác đó bằng nhau.		
12	Hai góc bằng nhau thì đối đỉnh.		